

Số: 125/2024/QĐST-DS

Quận Hai Bà Trưng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 08 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 79/2024/TLST-DS ngày 04/6/2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**; Trụ sở: Tầng 1,2,3 Tòa nhà G, số 36 H, phường O, quận Đ, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Quý Đ - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo Giấy uỷ quyền số 16/UQ-HĐQT.22 ngày 12/10/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giấy uỷ quyền số 668/UQ-TGD.23 ngày 20/9/2023 của Trưởng Ban Xử lý nợ); Có mặt.

- Bị đơn: + **Ông Trần Sỹ H; sinh năm 1974; Có mặt**

+ **Bà Lê Thị T; sinh năm 1976; Có mặt**

Đều có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: số 99 ngõ Đình Đ, tổ 70, phường T, quận H, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần Sỹ H và bà Lê Thị T xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền (tính đến ngày 20/8/2024) phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2169/15/TD-TT/II.5 ngày 27/05/2015 và Giấy nhận nợ số 01, bao gồm:

- Nợ gốc: 1.221.591.133 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 707.146.466 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 403.546.440 đồng

Tổng cộng: 2.332.284.039 đồng (Hai tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, không trăm ba mươi chín đồng).

2.2. Ông Trần Sỹ H và bà Lê Thị T cam kết trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ được nêu tại mục 1 như sau:

- **Đợt 1:** Chậm nhất đến ngày 30/8/2024, trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc.

- **Đợt 2:** Chậm nhất đến ngày 30/9/2024, trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc.

- **Đợt 3:** Chậm nhất đến ngày 30/10/2024, trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc.

- **Đợt 4:** Chậm nhất đến ngày 30/11/2024, trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc.

- **Đợt 5:** Chậm nhất đến ngày 30/12/2024, trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc.

- **Đợt 6:** Chậm nhất đến ngày 30/01/2025, trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc.

- **Đợt 7:** Chậm nhất đến ngày 28/02/2025, trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc.

- **Đợt 8:** Chậm nhất đến ngày 30/03/2025, trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc.

- **Đợt 9:** Chậm nhất đến ngày 29/04/2025, trả toàn bộ gốc và lãi còn lại, cụ thể: Nợ gốc: 1.141.591.133 đồng; Nợ lãi trong hạn: 707.146.466 đồng; Nợ lãi quá hạn: 403.546.440 đồng.

Kể từ ngày 21/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Trần Sỹ H và bà Lê Thị T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi tất toán khoản nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2.3. Trong trường hợp Ông Trần Sỹ H và bà Lê Thị T vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào được nêu tại mục 2.2 (như không trả, trả không đúng thời gian hoặc không đủ số tiền), thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được nêu dưới đây để thu hồi toàn bộ khoản nợ, cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 6H-1V-24, tại số 99 ngõ Đ, tổ 70, phường T, quận H, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10107213157, Hồ sơ gốc số 13.2003.QĐUB do Ủy ban nhân dân quận H, TP H cấp ngày 16/4/2003 cho ông Phạm Gia K và vợ bà Bùi Tuyết B, đăng ký sang tên cho ông Trần Sĩ H và bà Lê Thị T ngày 30/01/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận H.

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2475.2015/HĐTC, quyển số: 02 TP/CC-SCC ngày 27/05/2015 tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Hà Nội; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội Chi nhánh quận H ngày 29/05/2015.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán nợ thì ông Trần Sĩ H và bà Lê Thị T còn tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bên đương sự thỏa thuận ông Trần Sĩ H và bà Lê Thị T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm (do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa) là: 39.322.840 đồng (Ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

- Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 37.236.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai số 0003671 ngày 31/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thủy

